

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/09/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+RC6+RC5	7:25	7+8+7	0+0+0		6+5+11	0+0+0	
2		TD1+MDM +BK9	7:25	20+0+1	0+0+0		18+2+2	0+0+0	bổ sung MDM.
3		RP1+VSP02+P2	7:25	22+0+0	0+0+0		17+4+0	0+0+0	CHUYỂN 1 VSP02-P2
4		CLO+P5+AMD	9:25	15+5+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
5		RP3+CTK3	9:25	20+2	0+0		18+3	0+0	
6		RC4+RCDM+RP3	9:25	20+2+0	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
7		RP3+RP2+RP1	11:25	13+3+6	0+0+0		7+0+15	0+0+0	

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY RP1-4 NG, RCDM-3NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/09/2020	TO: RCDM - RC6 - RC5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - NPhú - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VŨ HÙNG	RCDM	54	1	5	12	65	D-HANH	Vietnamese
2	PHÙNG QUANG THĂNG	RCDM				17	73	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BÀU	RCDM	55	1	5		62	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	58-59	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ ĐẮC TOÀN	RCDM	57	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TỊ	RCDM	60	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH DŨNG	RCDM	56	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN MINH THI	RC6	14	1	5	15	118	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VĂN TÙNG	RC6	13	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN TRƯỞNG	RC6	09-10	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	11	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	RC6	15	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH CÔNG	RC6	08	1	12		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU ĐỨC	RC6	16-17	2	16	28	82	T-TIN	Vietnamese
15	KIỀU MINH QUYẾT	RC6	12	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	LÊ CÔNG AN	RC5	44-45	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	GUSEINOV	RC5	51	1	5		88	KH-THAC	Russian
18	BUI QUỐC VIỆT	RC5	50	1	5	31	70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CÚC	RC5	48	1	15		85	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ QUỐC HUY	RC5	47	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN TRUNG	RC5	49	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	46	1	4		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	7	7	39	468	29	6		
2	RC6	8	10	74	606	43	5		
3	RC5	7	8	54	542	31	11		
TOTAL		22	25	167	1.616	103	22		
WEIGHT KG				167	1.616	103			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: MI	TO: TD1 - MRM - BK9	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - TSON	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	16	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN NAM	TD1	01	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	14	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1	11	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ QUỐC BẢO	TD1	10	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	15	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ TOÀN THẮNG-PVD	TD1	09	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG ANH TUẤN	TD1	07	1	6	60	80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	12	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG NGOC QUÂN-PVD	TD1	04-05	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	13	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ MINH TRINH	TD1	02	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HUNG QUÂN	TD1	06	1	7		70	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN VŨ QUỐC	TD1	17	1	8		65	DVL	Vietnamese
16	VUÔNG KIẾN QUỐC	TD1	08	1	5		80	DVL	Vietnamese
17	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD1	19	1	15		75	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIẾP	TD1	20-21	2	18		77	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD1	18	1	14		60	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD1	03	1	14		60	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN THỬA THAI	BK9	92	1	12	80	62	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	21	157	1.414	60	18		
2	MRM	0	0	0	0	0	2		
3	BK9	1	1	12	62	80	2		
TOTAL		21	22	169	1.476	140	22		
WEIGHT KG				169	1.476	140			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: RP1 - VSP02 - P2	CREW: Hạnh - HÙNG - Toàn	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	RP1	0	1	3	80	72	D-HANH	Vietnamese
2	LÊ HOÀNG HỘI	RP1					78	D-HANH	Vietnamese
3	TSOPANOV	RP1	13	1	10	18	96	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN QUANG THẮNG	RP1					68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DŨNG	RP1	07	1	2		67	NIPI	Vietnamese
6	ĐẶNG BA ĐIỀU	RP1	05	1	4		57	YTE	Vietnamese
7	KOROQLUEV RAMIL	RP1	08	1	7		72	KH-THAC	Russian
8	NIKITIN DMITRIY	RP1	15	1	5		90	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1					71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC PHONG	RP1	68	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	RP1	16	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	01-02	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	06	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	69	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN MINH HIỂU	RP1	77	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
17	TAO QUANG NGÂN	RP1	71	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	03-04	2	9		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NAM SINH	RP1	66	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	70	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	RP1	72	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN KHÁC HỒNG	RP1	67	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	20	119	1.633	98	17		CHUYEN 1 PAX TU VSP02 SANG P2
2	VSP02	0	0	0	0	0	4		
3	P2	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	20	119	1.633	98	21		
WEIGHT KG				119	1.633	98			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: CLO - P5 - AMD	CREW: Nam - NPhú - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIRICHENKO K.P	CLO	14	1	5	50	79	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO					82	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ THẾ NĂNG	CLO	48	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TUƠNG LONG	CLO	10	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG KIM DƯƠNG	CLO	05	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN LÝ	CLO	07	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN LONG	CLO	49	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
8	HÀ QUỐC DŨNG*PK-PVD	CLO	08	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN ĐỒNG	CLO	09	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐÔNG HUNG	CLO	06	1	14		79	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG VIỆT CUÔNG	CLO	12	1	10		60	D-HANH	Vietnamese
12	MULNIUCHKIN V.V.	CLO	50	1	15		90	DVL	Russian
13	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	CLO	47	1	15		77	DVL	Vietnamese
14	PHAN THANH TỊNH	CLO	11	1	15		75	DVL	Vietnamese
15	MAI VĂN DƯƠNG	CLO	13	1	11		65	DVL	Vietnamese
16	FOK S.I	P5	50	1	8		134	DIEUHAN	Russian
17	SHERBAKOV M.IU	P5	52	1	5		98	KHOAN	Russian
18	ZADOROZHNY V.E	P5	51	1	6		98	KHOAN	Russian
19	BAEV	P5					82	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	15	14	118	1.090	50	12		
2	P5	4	3	19	412	0	0		
3	AMD	0	0	0	0	25	10		
TOTAL		19	17	137	1.502	75	22		
WEIGHT KG				137	1.502	75			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: RP3 - CTK3	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - TSON	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SON	RP3	38	1	3	130	66	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN SON	RP3	92	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	39-41	3	16		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG TRUNG	RP3	34-35	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ TẤN CHÂU	RP3	47	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH DUONG	RP3	27	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN HOA	RP3	49	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
8	IAKIMIDI	RP3	26	1	10		96	KH-THAC	Russian
9	PHAM MINH TOAN	RP3	93	1	8	21	57	YTE	Vietnamese
10	PHAM XUAN HOANG	RP3	42-45	4	16		82	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG XUAN HUNG	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG VAN THUONG	RP3	30	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG HAI	RP3	33	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	28	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN MINH THANH	RP3	32	1	11		54	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TIEN	RP3	31	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CONG	RP3	37	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VAN HIEN	RP3	48	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN ANH	RP3	36	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
20	VU QUANG HUNG	RP3	46	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI KHAC PHONG	CTK3	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NG. TIEN DUNG	CTK3	80	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	25	130	1.381	151	18		HÀNH TRÌNH PHẢI: phạm - thuy - tung
2	CTK3	2	2	15	147	0	3		
TOTAL		22	27	145	1.528	151	21		
WEIGHT KG				145	1.528	151			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: RC4 - RCDM - RP3	CREW: Hạnh - HÙNG - Toàn	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG QUỐC VIỆT	RC4	19	1	11		85	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM HỮU NHU	RC4	53	1	8		68	GPWS	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG	RC4	17-18	2	13		63	GPWS	Vietnamese
4	PHẠM THANH LONG	RC4	629	1	4		58	GPWS	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC HOANH	RC4	20-21	2	18		68	GPWS	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	45	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC THIÊN	RC4	46	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VĂN CÔNG	RC4	20	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU TIẾN BÌNH	RC4	54	1	5	22	72	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ TRUNG KIẾN	RC4	47	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VIỆT HUÂN	RC4	51	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHI MẠNH TÙNG	RC4	30	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	SHCHETNIKOV	RC4	28-29	2	12		88	KH-THAC	Russian
14	PHAN THIÊN SƠN	RC4	49	1	10		68	DVL	Vietnamese
15	ĐINH VĂN ĐỒNG	RC4	52	1	8		60	DVL	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ĐẠM	RC4	48	1	8		70	DVL	Vietnamese
17	ĐOÀN PHÚC HOANG	RC4	16,55	2	19		68	DVL	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN HUNG	RC4	50	1	9		67	DVL	Vietnamese
19	MAI VĂN TUÔNG	RC4	43	1	2	50	65	PSV	Vietnamese
20	ĐINH VĂN LƯU	RC4	44	1	5		50	PSV	Vietnamese
21	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	64	1	4		75	PSV	Vietnamese
22	LÊ HẢI HOA	RCDM	65	1	4	20	75	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	20	24	173	1.382	72	5		
2	RCDM	2	2	8	150	20	4		
3	RP3	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		22	26	181	1.532	92	22		
WEIGHT KG				181	1.532	92			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: RP3 - RP2 - RP1	CREW: Nam - VLinH - DTùng	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	56	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH HỌ	RP3	50-51	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TỬ HAI	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					78	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC HUY	RP3	53	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	RP3	57-58	2	10		93	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	52	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LẠI ĐỨC BAY	RP3	54	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TRỊ	RP3	55	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐỨC LONG	RP2	66	1	4	30	59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	62	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HẢI SÁNG	RP2	63	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG ĐÌNH BÀ	RP1	22	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THUY	RP1	17	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG THẾ ANH	RP1	21	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	20	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ VŨ	RP1	18	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG SỸ NGỌC	RP1	19	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	9	9	47	614	40	7		
2	RP2	3	3	16	210	30	0		
3	RP1	6	6	32	392	0	15		
TOTAL		18	18	95	1.216	70	22		
WEIGHT KG				95	1.216	70			

GRAND TOAL: 1.381 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN